

# WTO với vấn đề nông phẩm

PGS.TS. NGUYỄN PHÚ TỰ

Thấu hiểu sân chơi. Am tường luật chơi. Cơ hội sẽ nhiều hơn là đe dọa



**T**rong các vòng đàm phán của WTO những năm gần đây nông phẩm luôn là chủ đề nóng bỏng gây nhiều tranh cãi trong các phiên đàm phán của WTO. Bởi nông phẩm có tính chất nhạy cảm về kinh tế – xã hội đối với nhiều quốc gia. Sau nhiều vòng đàm phán gay gắt (Tokyo, Uruguay, vv...) cuối cùng các thành viên của WTO đã đi đến thống nhất và ký kết Hiệp định nông nghiệp (Agreement on Agriculture – AoA) vào 1994 và chính thức có hiệu lực kể từ tháng 1 năm 1995.

## Hiệp định nông nghiệp của WTO

Để mở cửa thị trường nông sản thế giới AoA hướng tới giải quyết bốn vấn đề cơ bản:

- Sự mất cân đối giữa cung và cầu đối với nông sản, trên cơ sở đó xóa đi sự chênh lệch về giá cả giữa thị trường nội địa và thị trường thế giới.

- Xóa bỏ chủ nghĩa bảo hộ sản phẩm nông nghiệp nội địa thông qua những chính sách hỗ trợ nhằm giảm đi những tác động tiêu cực đối với những quốc gia đang phát triển.

- Giảm gánh nặng về mặt tài chính đối với các nước phát triển trên cơ sở cắt giảm hỗ trợ sản xuất nông sản.

- Nâng cao vị thế của WTO trong việc giải quyết tranh chấp về vấn đề sản phẩm nông nghiệp giữa các nước thành viên.

Các cam kết mở cửa thị trường nông sản trong AoA tập trung vào ba lĩnh vực chủ yếu: tiếp cận thị trường; hỗ trợ sản xuất nội địa; trợ cấp xuất khẩu.

**1. Tiếp cận thị trường:** Hiệp định nông nghiệp quy định các thành viên phải tạo điều kiện cho hàng hóa của các thành viên khác tiếp cận với thị trường nội địa thông qua việc cắt giảm thuế nhập khẩu, thuế hóa các rào cản phi thuế quan và mở cửa thị trường tối thiểu.

Thuế nhập khẩu nông sản của các thành viên phải tuân thủ về mức thuế suất và lịch trình giảm thuế như trong Hiệp định nông nghiệp. Các quốc gia không được tăng mức thuế trần. Các biện pháp phi thuế quan phải chuyển sang thuế. Tuy nhiên Hiệp định cũng quy định những trường hợp ngoại lệ đối với quá trình thuế hóa, cụ thể: a) Trong một số hoàn cảnh đặc biệt các quốc gia được sử dụng quyền tự vệ; b) Các quốc gia được quyền ưu đãi đặc biệt đối với một số mặt hàng nông sản.

Hiệp định nông nghiệp cho phép các nước thành viên WTO được sử dụng quyền tự vệ đối với sản phẩm nông

ngành trong hoàn cảnh: lượng nhập khẩu nông phẩm quá lớn, giá giảm xuống quá mức vv.. Bên cạnh đó Hiệp định nông nghiệp còn quy định những trường hợp ngoại lệ được miễn trừ cắt giảm rào cản thương mại; cụ thể:

+ An ninh lương thực, để đảm bảo an ninh lương thực chính phủ các quốc gia được phép sử dụng các biện pháp can thiệp vào thương mại quốc tế như: sử dụng các biện pháp kiểm soát xuất khẩu lương thực, bảo hộ sản xuất lương thực nội địa vv..

+ Bảo vệ nguồn gen

Hiệp định còn yêu cầu các nước thành viên cam kết mở cửa thị trường tối thiểu, cụ thể: Các nước phát triển dù không có nhu cầu nhập khẩu đối với một số sản phẩm nông sản vẫn phải tạo cơ hội mở cửa thị trường tối thiểu là 3% so với mức tiêu thụ nội địa thời kỳ 1986-1988. Tỷ lệ này là 1% đối với các nước đang phát triển. Riêng đối với các nước đang phát triển Hiệp định nông nghiệp quy định được hưởng một số ưu đãi sau:

+ Hỗ trợ sản xuất nội địa của chính phủ trực tiếp hay gián tiếp không vượt quá 10% giá trị tổng sản lượng nông nghiệp.

+ Trợ cấp xuất khẩu, chi tiêu ngân sách và số lượng nông sản được hưởng trợ cấp không vượt quá 85% các mức tương ứng của giai đoạn 1986-1990.

+ Thời gian cam kết cắt giảm rào cản thương mại là 10 năm.

**2. Hỗ trợ sản xuất nội địa:** Hiệp định nông nghiệp quy định những khoản hỗ trợ có ảnh hưởng trực tiếp đến thương mại quốc tế thì phải cắt giảm, trong khi đó những hỗ trợ của chính phủ kích thích sản xuất nông nghiệp phát triển nhưng không bóp méo thương mại quốc tế thì không phải cắt giảm. Hiệp định phân biệt ba loại hỗ trợ:

Thứ nhất, Những biện pháp hỗ trợ "màu hổ phách" (Amber subsidies) là những biện pháp hỗ trợ có ảnh hưởng tới thương mại hàng nông sản như: trợ giá, thanh toán trực tiếp vv.. Những biện pháp hỗ trợ thuộc dạng này Hiệp định yêu cầu phải cắt giảm. Hiện nay WTO quy định các nước phát triển được hỗ trợ tối thiểu dạng "hổ phách" là 5% tổng giá trị sản phẩm nông sản đối với những khoản hỗ trợ chung và từng sản phẩm cụ thể. Các nước đang phát triển được phép hỗ trợ đến 10%.

Thứ hai, những biện pháp hỗ trợ dạng "hộp xanh lá cây" (Green box subsidies) là biện pháp bảo hộ phù hợp được Hiệp định cho phép. Những biện pháp hỗ trợ thuộc dạng này không hoặc chỉ tác động nhỏ đến thương mại của sản phẩm nông nghiệp. Chúng thường là những biện pháp hỗ trợ chung cho cả ngành nông nghiệp, do vậy không phải cắt giảm. Cụ thể:

+ Nhóm các dịch vụ chung như: nghiên cứu khoa học, đào tạo, khuyến nông, bảo vệ thực vật, thú y, cơ sở hạ tầng ngành nông nghiệp.

+ Dự trữ quốc gia (công cộng) vì mục đích an ninh lương

thực.

+ Trợ cấp lương thực, thực phẩm.

+ Trợ cấp thu nhập cho người có mức thu nhập thấp dưới mức tối thiểu do quốc gia quy định.

+ Trợ cấp khi bị thiên tai.

+ Trợ cấp chuyển dịch cơ cấu sản xuất thông qua các chương trình chuyển dịch cơ cấu sản xuất, đầu tư và chuyển dịch đất sản xuất nông nghiệp đang sử dụng sang mục đích sản xuất khác.

+ Chương trình phát triển sản xuất gắn với bảo vệ môi trường.

+ Chương trình trợ giúp những vùng kém phát triển.

Thứ ba, những biện pháp hỗ trợ dạng "hộp xanh da trời" (Blue box subsidies). Đây là những khoản hỗ trợ có liên quan đến chương trình hạn chế xuất khẩu của các nước phát triển đang dư thừa nông sản như EU, Nhật, Mỹ, Canada. Điều kiện để được miễn trừ cắt giảm những khoản hỗ trợ trong "hộp xanh da trời" là những khoản hỗ trợ này phải phù hợp với Điều khoản hạn chế hợp lý (Due Restraint Clause) của Hiệp định nông nghiệp. Hỗ trợ dạng "hộp xanh da trời" đã tạo điều kiện cho EU giảm gánh nặng về cải cách nông nghiệp và Mỹ hỗ trợ cho nông dân khoản chênh lệch giữa giá thị trường và giá không ổn định của hợp đồng xuất khẩu. Đối với các nước đang phát triển những dạng hỗ trợ có tính chất: trợ cấp đầu tư; trợ cấp đầu vào cho người nghèo có thu nhập thấp hoặc nông dân ở vùng khó khăn; trợ cấp để nông dân chuyển từ việc trồng cây thuốc phiện sang cây trồng khác hoặc chăn nuôi; đều thuộc hỗ trợ "hộp xanh da trời" được miễn trừ cam kết cắt giảm.

**3. Trợ cấp xuất khẩu:** Hiệp định nông nghiệp quy định các quốc gia thành viên phải cắt giảm trợ cấp xuất khẩu. Các nước không được phép tăng trợ cấp và xây dựng các biện pháp trợ cấp xuất khẩu mới.

## Rào cản phi thuế quan đối với nông sản

Trong khuôn khổ WTO ngoài Hiệp định nông nghiệp, WTO còn đưa ra một số rào cản phi thuế quan đối với các thành viên thông qua các Hiệp định:

### 1. Hiệp định về các biện pháp vệ sinh dịch tễ (Agreement on Sanitary and Phytosanitary Measures - SPS):

Một số loài động thực vật có khả năng gây nguy hại cho sức khỏe của con người và truyền các loại côn trùng gây bệnh tật. Do vậy các quốc gia trong WTO đã ký kết Hiệp định về các biện pháp vệ sinh dịch tễ (SPS). Hiệp định này quy định những tiêu chuẩn, nguyên tắc, quy định mà các nước thành viên phải áp dụng nhằm bảo vệ cuộc sống, sức khỏe của con người, động vật và thực vật. Hiệp định về các biện pháp vệ sinh dịch tễ yêu cầu các thành viên:

- Các nước thành viên sử dụng SPS như là những tiêu chuẩn, hướng dẫn hoặc khuyến nghị quốc tế.

- Tạo điều kiện cho các thành viên và đối tác thương

mại có cơ hội tham gia đóng góp ý kiến xây dựng các tiêu chuẩn về kiểm dịch động thực vật.

- Chấp nhận những biện pháp thuộc về SPS của các nước xuất khẩu nếu các tiêu chuẩn này phù hợp với tiêu chuẩn của quốc gia.

- Tích cực tham gia vào các hoạt động của các tổ chức quốc tế về kiểm dịch động thực vật.

Đặc biệt Hiệp định này khuyến khích các nước cần có sự linh hoạt trong việc áp dụng các quy định về kiểm tra vệ sinh dịch tễ có ảnh hưởng đến thương mại quốc tế của các thành viên là các nước đang phát triển.

## 2. Hiệp định về rào cản kỹ thuật trong thương mại quốc tế (Technical Barriers to Trade - TBT):

Hiệp định về rào cản trong thương mại ra đời nhằm thống nhất các quy định và tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng trong hệ thống thương mại của WTO. Hiệp định cho phép các nước thành viên được sử dụng các quy định và tiêu chuẩn kỹ thuật như: yêu cầu về bao bì, mã hiệu, nhãn hiệu và các thủ tục đánh giá sự phù hợp với các quy định làm rào cản trong thương mại nhưng không tạo ra sự trở ngại cho thương mại quốc tế.

Hiệp định TBT còn thừa nhận các thành viên có quyền áp dụng những quy định kỹ thuật hoặc những tiêu chuẩn kỹ thuật bắt buộc (gồm cả những tiêu chuẩn về đóng gói và nhãn mác) nhằm bảo đảm chất lượng hàng hóa, bảo vệ sức khỏe, sự an toàn của con người, động thực vật và môi trường hoặc ngăn ngừa các hoạt động gian lận thương mại.

Hiệp định yêu cầu các nước thành viên khi xây dựng các tiêu chuẩn kỹ thuật của mình cần tham khảo hoặc sử dụng các tiêu chuẩn của WTO, nhằm đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật của các nước thành viên không mâu thuẫn với tiêu chuẩn kỹ thuật của WTO và không tạo ra sự phân biệt đối xử trong việc thực thi.

Để tạo điều kiện cho sự hợp chuẩn về tiêu chuẩn kỹ thuật giữa các nước thành viên, Hiệp định quy định:

- Các thủ tục đánh giá sự hợp chuẩn không được phân biệt đối xử giữa nhà cung cấp nước ngoài và nhà cung cấp trong nước.

- Việc thu phí cũng phải đối xử công bằng giữa nhà cung cấp nước ngoài và nhà cung cấp nội địa.

- Chọn mẫu điều tra và kiểm tra đánh giá cũng không được có những quy định gây bất lợi cho nhà cung cấp nước ngoài.

Riêng đối với các nước đang phát triển Hiệp định có một số lưu ý sau:

Thứ nhất, Hiệp định thừa nhận các nước đang phát triển không phải chấp thuận các tiêu chuẩn quốc tế khi các tiêu chuẩn này không phù hợp với sự phát triển và nhu cầu về tài chính của mình. Họ có thể chấp nhận các quy định, tiêu chuẩn và các phương pháp xét nghiệm với mục đích bảo vệ các công nghệ, phương thức và quy trình sản xuất mang tính bản xứ.

Thứ hai, Hiệp định cũng cho phép những ngoại lệ đặc biệt về giới hạn thời gian đối với các nước đang phát triển còn gặp khó khăn khi thực thi các tiêu chuẩn kỹ thuật của WTO do mức độ phát triển kinh tế, thương mại và công nghệ của các quốc gia nghèo.

Rào cản kỹ thuật là một trong những rào cản thương mại mà các quốc gia đang phát triển rất khó vượt qua do hạn chế về trình độ khoa học kỹ thuật và công nghệ. Bên cạnh đó các quốc gia phát triển liên tục dựng lên các rào cản kỹ thuật mới với mức độ cao hơn, khắt khe hơn. Các quốc gia đang phát triển không còn con đường nào khác là phải nỗ lực vượt rào của các quốc gia phát triển đặt ra trong sân chơi WTO – sân chơi quốc tế.

## 3. Hiệp định về trợ cấp và các biện pháp đối kháng (Subsidies and Countervailing Measures Agreement – SCM):

Những khoản tài chính được Hiệp định coi là trợ cấp bao gồm: (1) có sự đóng góp tài chính của chính phủ; (2) chính phủ có chuyển trực tiếp các khoản vốn cho doanh nghiệp; (3) các khoản phải thu của chính phủ nhưng được chính phủ bỏ qua; (4) chính phủ cung cấp hàng hóa, dịch vụ cho doanh nghiệp không phải là hàng hóa chung như cơ sở hạ tầng, dịch vụ công vv... hoặc chính phủ trực tiếp mua hàng hóa của doanh nghiệp. Tuy nhiên Hiệp định cũng quy định chỉ có những khoản trợ cấp nào gây tổn hại cho một ngành sản xuất của một thành viên khác mới là đối tượng điều chỉnh của Hiệp định. Điều 6 của Hiệp định nêu rõ các trường hợp được coi là gây tổn hại nghiêm trọng bao gồm: (1) tổng trợ cấp cho một sản phẩm vượt quá 5% giá trị; (2) trợ cấp để bù lỗ cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp; (3) trực tiếp xóa nợ hoặc cấp kinh phí để thanh toán nợ cho doanh nghiệp.

Các biện pháp đối kháng chỉ được sử dụng trên cơ sở điều tra khởi tố đối với hành vi trợ cấp và phải phù hợp với Hiệp định về trợ cấp và đối kháng. Điều đặc biệt là Hiệp định cho phép các nước đang phát triển sử dụng trợ cấp xuất khẩu trong giai đoạn quá độ, nhưng nếu sự trợ cấp đó gây tổn hại nghiêm trọng thì vẫn có thể bị nước nhập khẩu đánh thuế đối kháng. Song thực tế trợ cấp nông nghiệp là một vấn đề gay gắt gây nhiều tranh cãi nhất giữa các thành viên do sự khác biệt quá lớn trong việc trợ cấp nông sản. Đơn cử một số trường hợp ta thấy ở Mỹ một năm chính phủ trợ cấp khoảng 3 tỷ USD cho 25.000 nông dân trồng bông nhằm ổn định giá bất chấp sự biến đổi của thời tiết khí hậu hay biến động giá trên thị trường thế giới. Với khoản trợ cấp này sản lượng bông của Mỹ trên thị trường thế giới đã tăng mạnh từ 17% năm 1998 lên 41% năm 2003 với mức giá chỉ bằng gần ½ giá cũ. Đây là nguyên nhân dẫn đến hàng loạt các quốc gia trồng bông tại Trung Á và châu Phi lâm vào tình trạng bế tắc. Ngoài bông hàng năm chính phủ Mỹ còn chi hàng tỷ USD trợ cấp cho bắp, đậu nành...vv...Riêng VN nghề trồng bông vải có nguy cơ bị xóa sổ trước sự cạnh tranh của bông

nhập khẩu chất lượng cao, giá rẻ.

Còn với EU việc trợ cấp nông nghiệp không hề thua kém Mỹ mà còn đạt kỷ lục với 280 tỷ USD/năm, ví như một con bò sữa tại EU được trợ cấp 2,62 USD/ngày, cao hơn nhiều so với thu nhập của người chăn nuôi tại VN (2 USD/ngày) .... Điều này cho thấy cạnh tranh với nông dân Âu - Mỹ được trợ cấp tối đa là một thách thức rất lớn và là một trong những nguyên nhân khiến nông dân Á- Phi thua ngay trên sân nhà.

### Hàng rào phi thuế quan

Khi các rào cản quan thuế được dỡ bỏ theo quy định của WTO để tiến tới một thị trường cạnh tranh bình đẳng trong thương mại quốc tế thì trên thực tế nhiều quốc gia trên thế giới không ngừng dựng lên những rào cản phi thuế quan nhằm ngăn chặn dòng nông phẩm từ các nước đang phát triển đổ vào thị trường của các quốc gia phát triển; từ các nước đang phát triển qua các quốc gia đang phát triển và giữa các quốc gia phát triển với nhiều hình thức và mức độ khác nhau nhằm bảo hộ sản xuất nội địa. Đặc biệt với lợi thế về khoa học kỹ thuật và công nghệ các nước phát triển đã, đang và sẽ tiếp tục đặt ra những rào cản phi thuế quan gây bất lợi cho thương mại của các quốc gia nghèo, tạo ra sự bất bình đẳng trong thương mại quốc tế hiện nay. Đơn cử một số trường hợp:

#### 1. Mỹ :

Là một cường quốc mạnh về kinh tế và thương mại, nhưng trong quan hệ thương mại quốc tế Mỹ cũng phải đối mặt với cạnh tranh ngày càng gay gắt từ phía các nước thành viên trong WTO. Hiện nay Mỹ đang áp dụng những rào cản phi thuế quan đối với nông phẩm nhập khẩu nhằm bảo hộ hàng nông sản nội địa như:

a. Hạn ngạch thuế quan (Tariff-rate quota): Là loại hạn ngạch không hạn chế số lượng nhập khẩu mà quy định số lượng để phân biệt thuế. Phần lượng trong hạn ngạch quy định sẽ có thuế nhập khẩu thấp, phần lượng vượt hạn ngạch sẽ chịu thuế nhập khẩu cao. Các mặt hàng nông sản khi vào thị trường Mỹ phải chịu hạn ngạch có thuế là: Sữa và kem không đặc hoặc không đường hay các chất ngọt khác với chất béo theo trọng lượng từ 1% đến 6%; cá ngừ, bông vải, lúa mì, một số mặt hàng nông sản theo Hiệp định Mỹ - Israel.

b. Hạn ngạch tuyệt đối - hạn ngạch cứng (Absolute quota). Đây là hạn ngạch giới hạn về lượng nhập khẩu; phần lượng vượt hạn ngạch không được làm thủ tục hải quan vào Mỹ. Hàng nhập vượt quá số lượng trong hạn ngạch phải tái xuất hoặc lưu kho chờ hạn ngạch năm sau. Các mặt hàng nông sản chịu hạn ngạch tuyệt đối là:

- Thức ăn gia súc có thành phần sữa hoặc các sản phẩm sữa;
- Bơ pha trộn trên 55,5% nhưng không quá 45% trọng lượng là bơ béo;

- Pho mát làm từ sữa chưa thanh trùng có thời gian chưa quá 9 tháng;

- Thịt từ Australia và New Zealand;

-vv...

c. Các quy định về vệ sinh dịch tễ. Mỹ có bốn cơ quan phụ trách về vệ sinh dịch tễ:

(1) Cơ quan phụ trách thực phẩm và thuốc (Food and Drug Administration - FDA). FDA chịu trách nhiệm chính về an toàn thực phẩm ngoại trừ thịt, gia cầm và một số sản phẩm trứng do FSIS quy định.

(2) Cục kiểm định an toàn thực phẩm (Food Safety and Inspection Service - FSIS) của Bộ Nông nghiệp.

(3) Cơ quan bảo vệ môi trường (Environmental Protection Agency - EPA). EPA có nhiệm vụ bảo vệ sức khỏe của con người, bảo vệ môi trường thông qua việc ngăn cản những tác động từ bên ngoài có ảnh hưởng tác hại đến môi trường.

(4) Cục kiểm định y tế động thực vật (Animal and Plant Health Inspection Service - APHIS) thuộc Bộ Nông nghiệp. APHIS đưa ra những quy định nhằm bảo đảm an toàn cho người tiêu dùng và động vật khỏi những bệnh tật từ bên ngoài.

Tùy nhóm nông phẩm nhập khẩu mà các cơ quan vệ sinh dịch tễ sẽ cấp giấy phép cho phù hợp với nhóm hàng.

#### 2. Nhật :

Với đặc trưng là quốc gia đất chật người đông. Tiềm năng sản xuất nông nghiệp (đất, nước, khí hậu, địa hình vv...) không thuận lợi. Để bảo hộ sản xuất nông nghiệp trong nước ngoài các biện pháp phổ biến như: Cấm nhập khẩu, hạn ngạch nhập khẩu, giấy phép nhập khẩu vv... Nhật còn dùng một số rào cản phi thuế quan đối với nông phẩm sau đây:

a. Dấu chứng nhận chất lượng. Luật tiêu chuẩn nông nghiệp của Nhật ban hành năm 1970 quy định các sản phẩm: đồ uống, thực phẩm chế biến, dầu ăn và mỡ, các sản phẩm nông lâm thủy sản chế biến nhập khẩu vào Nhật phải có dấu tiêu chuẩn "Japan Agricultural Standard - JAS" (dấu chứng nhận tiêu chuẩn nông nghiệp Nhật). Việc giám định và cấp dấu chất lượng "JAS" được thực hiện bởi các tổ chức sau:

- + Các tổ chức giám định thuộc Bộ nông - lâm - ngư nghiệp.
- + Các tổ chức giám định của chính quyền địa phương.
- + Các tổ chức giám định khác.

b. Luật vệ sinh thực phẩm. Luật vệ sinh thực phẩm của Nhật ra đời và có hiệu lực từ năm 1947. Luật này áp dụng cho tất cả các hàng hóa có liên quan đến thực phẩm, các loại gia vị, dụng cụ chứa thực phẩm, máy móc chế biến thực phẩm. Cơ quan thực thi Luật vệ sinh thực phẩm của Nhật là Bộ y tế và phúc lợi. Các quốc gia khi xuất khẩu hàng hóa có liên quan đến thực phẩm vào thị trường Nhật gặp rất nhiều khó khăn về vấn đề an toàn vệ sinh thực phẩm. Ví dụ: để

xuất khẩu được đồ uống, chân giò heo, xúc xích, thịt heo và thịt bò nuôi các quốc gia phải khử trùng theo nhiệt độ được quy định tại Nhật. Hay đối với mặt hàng tôm của VN xuất qua thị trường Nhật phải đảm bảo các tiêu chuẩn an toàn vệ sinh thực phẩm, đặc biệt là việc sử dụng hóa chất kháng sinh trong bảo quản, sơ chế.

c. Luật chống các bệnh truyền nhiễm. Để tránh sự lây lan các bệnh truyền nhiễm cho người và động vật do virus từ bên ngoài, Nhật ban hành Luật chống các bệnh truyền nhiễm. Luật này quy định những sản phẩm nhập khẩu thuộc các nhóm sau khi vào Nhật phải được kiểm dịch chặt chẽ.

- + Súc vật móng chẻ (gia súc, heo, cừu, hươu cao cổ, hà mã vv...).
- + Ngựa (ngựa vằn, lừa, ngựa vv...).
- + Gia cầm và trứng (gà, chim cút, vịt, ngỗng, gà tây).
- + Thỏ và ong mật.
- + Xương, thịt, mỡ, máu, da thú, lông chim, móng, gân, các cơ quan nội tạng, sữa tươi, tinh dịch, bào thai, bột máu vv...

- + Xúc xích, chân giò và thịt muối.
- + Các sản phẩm gây bệnh truyền nhiễm súc vật, súc vật móng chẻ từ bất cứ quốc gia nào trừ các sản phẩm được Bộ trưởng nông - lâm - ngư cho phép nhập khẩu để phục vụ nghiên cứu khoa học.

d. Luật kiểm dịch thực vật. Luật kiểm dịch thực vật quy định các mặt hàng cấm nhập khẩu, các đối tượng bị kiểm tra và tổ chức việc kiểm tra thực vật khi nhập khẩu vào Nhật. Khi phát hiện có hàng hóa bị nhiễm bệnh hay sâu hại thì hàng hóa đó bị hủy hoặc tái xuất. Đồng thời việc nhập khẩu thực vật từ quốc gia có nguồn bệnh sẽ bị cấm cho đến khi tìm ra nguồn gốc bệnh và sâu hại và các biện pháp ngăn chặn bệnh và sâu hại lây lan.

### 3. Liên minh châu Âu :

Sau ngày 1.5.2005 thị trường của Liên minh châu Âu được mở rộng với 25 thành viên nhằm hướng tới mục tiêu chung là:

- + Tạo lập một liên minh thuế quan bãi bỏ hàng rào thuế quan và phi thuế quan trong thương mại giữa các thành viên.
- + Hình thành thị trường chung tự do về thương mại hàng hóa, dịch vụ, lao động, đầu tư vốn giữa các thành viên.
- + Thực hiện chính sách nông nghiệp chung và ổn định thị trường, đảm bảo lợi ích cho người nông dân khi cung ứng lương thực, thực phẩm thông qua trợ giá.

Để bảo hộ cho sản xuất nông nghiệp tại 25 nước thành viên trong điều kiện sản xuất nông nghiệp không có nhiều thuận lợi, EU đã liên tục dựng lên các hàng rào phi thuế quan đối với nông phẩm nhập khẩu; cụ thể:

a. Cấm nhập khẩu. EU thường dựa vào lý do bảo vệ người tiêu dùng, môi trường, động thực vật để áp dụng biện pháp cấm nhập khẩu. EU cấm nhập khẩu thịt bò từ Mỹ vì lo ngại bệnh bò điên và thức ăn có hormone kích thích tăng

trưởng. Pháp cấm nhập khẩu gia cầm từ Mỹ vì Pháp không chấp nhận tập quán chăn nuôi gia cầm của Mỹ.

b. Giấy phép nhập khẩu. Những mặt hàng nông phẩm khi xuất khẩu vào thị trường EU phải có giấy phép nhập khẩu là: ngũ cốc, gạo, thịt bò, thịt bê, thịt cừu, thịt dê, sữa và các sản phẩm sữa, đường, rau quả chế biến, chuối, dâu tây, dưa ăn. Giấy phép nhập khẩu đối với những sản phẩm này là giấy phép tự động.

c. Hạn ngạch nhập khẩu. EU là thành viên của WTO do vậy biện pháp bảo hộ bằng hạn ngạch dần được thay thế bằng thuế. Tuy nhiên EU vẫn giữ hạn ngạch thuế quan đối với sản phẩm cà phê và gạo. Hàng năm EU nhập khẩu khoảng 150.000 tấn gạo, trong đó khoảng 100.000 tấn với mức thuế 28 euro/tấn, 50.000 tấn còn lại mức thuế là 418 euro/tấn đối với gạo 100%, gạo gầy là 128 euro/tấn.

d. Rào cản kỹ thuật. Thị trường châu Âu được coi là một trong những thị trường có hàng rào kỹ thuật, vệ sinh dịch tễ cao và nghiêm ngặt nhất thế giới. Tất cả sản phẩm nhập khẩu vào EU phải thỏa mãn điều kiện của "Hệ thống tiêu chuẩn hóa châu Âu". Việc xây dựng tiêu chuẩn kỹ thuật của EU do ba cơ quan đảm nhiệm: Ủy ban Tiêu chuẩn hóa kỹ thuật điện tử châu Âu (European Institute for Electrotechnical Standardisation - CENELEC),

Ủy ban tiêu chuẩn hóa châu Âu (European Committee for Standardisation - CEN), Viện tiêu chuẩn viễn thông châu Âu (European Telecommunicative Standardisation Institute - ETSI). Hệ thống tiêu chuẩn kỹ thuật làm rào cản thương mại phi thuế quan của EU được chia thành năm nhóm: tiêu chuẩn chất lượng, tiêu chuẩn vệ sinh thực phẩm, tiêu chuẩn an toàn cho người sử dụng, tiêu chuẩn bảo vệ môi trường và tiêu chuẩn về lao động.

Tóm lại rào cản phi thuế quan của các quốc gia phát triển đang là một thách thức lớn đối với nông phẩm của các quốc gia đang phát triển. Việc thắng hay thua trên thị trường thế giới phụ thuộc nhiều vào sự nỗ lực của chính phủ và các doanh nghiệp tham gia xuất khẩu nông sản tại các quốc gia đang phát triển. Trong khi tự do hóa, thuận lợi hóa thương mại và đầu tư luôn là những nội dung được bàn thảo tại các vòng đàm phán của WTO, như vòng đàm phán Doha bắt đầu từ 2001 với mục tiêu cắt giảm các rào cản thương mại quốc tế (thuế quan, phi thuế quan) nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc luân chuyển tự do hàng hóa trên toàn cầu. Sau sáu vòng đàm phán, thương lượng với nhiều bất đồng từ EU, Mỹ và một số nước đang phát triển. Vòng đàm phán Doha bị ngưng trệ do có những bất đồng lớn tập trung chủ yếu vào những chính sách thuế quan và phi thuế quan mà các quốc gia phát triển đang sử dụng nhằm bảo vệ lợi ích kinh tế của mình. Việc sử dụng các biện pháp bảo hộ sản xuất nội địa - nhất là các biện pháp phi thuế quan - đã gây ra những mâu thuẫn gay gắt giữa EU và Mỹ, giữa các quốc gia phát triển và đang phát triển; điều này gây tổn hại lớn đến nền kinh tế các quốc gia, khu vực cũng như làm kìm

hầm thương mại toàn cầu.

## Nông phẩm VN trên đường hội nhập – từ sông ra biển

Hàng nông sản là một trong những thế mạnh xuất khẩu của VN. Cụ thể:

### Những mặt hàng nông sản xuất – nhập khẩu chủ yếu của VN

|                       | 2001  | 2002  | 2003  | 2004  | 2005  | 10 tháng 2006 |
|-----------------------|-------|-------|-------|-------|-------|---------------|
| <b>1. Xuất khẩu</b>   |       |       |       |       |       |               |
| Gạo (1.000 tấn)       | 3.721 | 3.236 | 3.810 | 4.060 | 5.202 | 4365          |
| Cà phê (1.000 tấn)    | 931   | 722   | 749   | 975   | 885   | 718           |
| Hạt tiêu (1.000 tấn)  | 57    | 78    | 74    | 112   | 110   | 112           |
| Hạt điều (1.000 tấn)  | 44    | 62    | 82    | 105   | 103   | 104           |
| Cao su (1.000 tấn)    | 308   | 455   | 432   | 513   | 574   | 582           |
| Rau quả (triệu USD)   | 344   | 221   | 152   | 179   | 234   | 219           |
| Chè (1.000 tấn)       | 68    | 77    | 59    | 99    | 89    | 87            |
| Đậu phộng (1.000 tấn) | 78    | 106   | 82    | 45    | 55    | 12            |
| <b>2. Nhập khẩu</b>   |       |       |       |       |       |               |
| Bông (1.000 tấn)      | 98    | 98    | 92    | 138   | 146   | 152           |

Nguồn: Kinh tế 2005-2006 VN và thế giới.

Hiện tại và tương lai hàng nông sản vẫn là mặt hàng xuất khẩu quan trọng của VN. Song trên thực tế với phí vận chuyển nông phẩm xuất khẩu của VN còn nhiều bất hợp lý (chiếm 85% tổng chi phí xuất khẩu); với giá cước vận chuyển cao hơn các nước khác từ 0,5-1,5 USD/kg cộng với chất lượng nông sản không đồng đều, kỹ thuật canh tác, thu hoạch chưa đạt tiêu chuẩn an toàn quốc tế (EurepGAP), bao bì sản phẩm chưa hấp dẫn vv... Đây là những trở ngại không nhỏ trên đường hội nhập WTO. Đặc biệt là ngành chăn nuôi sẽ bị tác động rất lớn do khả năng cạnh tranh rất thấp cả về năng suất, chất lượng và giá cả do thức ăn chăn nuôi gia súc hiện nay ở VN quá cao so với các quốc gia trong khu vực từ 10-20% và hơn mức bình quân của thế giới là 20-25%. Thêm vào đó với phương thức chăn nuôi thả rông trâu bò, gà, vịt ở các hộ gia đình để tận dụng sản phẩm phụ trong sản xuất nông nghiệp và đời sống (trong khi đó 90% sản phẩm chăn nuôi tại các nước phát triển xuất phát từ các trang trại) khiến cho việc cung ứng sản phẩm chăn nuôi của VN gặp nhiều khó khăn khi mà chăn nuôi phổ biến là phân tán và manh mún hơn là chăn nuôi công nghiệp tập trung.

Để có thể tăng trưởng cao liên tục và ổn định, hàng nông sản của VN cần có một chính sách hợp lý ví như chính sách ruộng đất có ảnh hưởng lớn đến hiệu quả sản xuất nông nghiệp. Tại VN ruộng đất bị chia nhỏ manh mún dẫn đến khả năng áp dụng cơ giới hóa đồng bộ gặp nhiều khó khăn, hạn chế việc áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, không đáp ứng được yêu cầu của thị trường về hàng hóa chất lượng cao, khối lượng lớn, giá cạnh tranh. Hiện nay ở VN số nông hộ có diện tích trên dưới một ha rất phổ biến; trong khi đó ở một số nước phát triển cũng có chính sách hạn điền nhưng thay vì quy định mức giới hạn trên như ở VN thì các quốc gia này

chỉ quy định mức giới hạn dưới để tránh tình trạng manh mún về đất đai làm giảm hiệu quả canh tác. Trong khi các hộ nông dân thiếu đất đai thì tại các nông trường quốc doanh đang kiểm soát 25% diện tích đất nông nghiệp nhưng sản xuất kém hiệu quả và chỉ tạo ra 1% GDP (TS. Lê Đăng Doanh). Tổ chức lại sản xuất nông nghiệp trên cơ sở tăng cường hợp tác thông qua các chính sách và giải pháp thích hợp là tiền đề cho việc phát triển nông nghiệp trong thời kỳ hậu WTO. Nông dân là người trực tiếp đương đầu với sức ép hội nhập WTO; để thắng ngay trên sân nhà và sân quốc tế cần xây dựng một hiệp hội nông nghiệp để bốn nhà: Nhà nước – Nhà khoa học – Nhà kinh doanh – Nhà nông hợp tác, liên kết thông qua đó việc chuyển giao công nghệ, kỹ thuật sản xuất, chu trình nông nghiệp an toàn GAP hay các yêu cầu của thị trường thế giới và nội địa vv.. được thực hiện nhanh chóng, hiệu quả và chỉ tiêu đạt 4 tỷ USD xuất khẩu nông lâm sản vào năm 2010 là trong tầm tay.

Bên cạnh những nỗ lực trong nước VN cần phải vượt qua những rào cản phi thuế quan tại thị trường của các quốc gia. Nhất là khi VN là thành viên của WTO thì rào cản thuế quan đối với sản phẩm nông nghiệp sẽ thuận lợi vì các nước thành viên có nghĩa vụ phải giảm thuế nhập khẩu đối với hàng nông sản của chúng ta. Nhưng chúng ta phải nỗ lực phần đầu để vượt qua những rào cản phi thuế quan. Điều này đòi hỏi các doanh nghiệp sản xuất và chế biến hàng nông sản xuất khẩu phải hiểu rõ hệ thống rào cản phi thuế quan của từng thị trường để điều chỉnh sản xuất theo hướng nâng cao chất lượng và thỏa mãn những tiêu chuẩn của đối tác. Không vì lợi trước mắt mà gây tổn hại lâu dài cho chính bản thân doanh nghiệp và cả những doanh nghiệp trong cùng ngành.

Mặc dù VN là một nước nhiệt đới, cây trái quanh năm nhưng do thị hiếu tiêu dùng và nhu cầu nguyên liệu trong nước nên thời gian qua chúng ta đã nhập khẩu nhiều loại nông phẩm như: bông, rau quả, sữa, cà phê, thịt gia súc và gia cầm, đậu nành, dầu thực vật vv... Nông phẩm nhập khẩu có ưu thế về chất lượng, giá cả, mẫu mã vv... Do vậy có lợi thế cạnh tranh đối với nông phẩm sản xuất trong nước kém về chất lượng và giá cả chưa hợp lý. Chính điều này buộc chính phủ VN phải có những biện pháp bảo hộ hợp lý. Năm 1999 Quỹ hỗ trợ phát triển được thành lập nhằm hỗ trợ thực hiện các dự án kinh tế quan trọng và phát triển các vùng có điều kiện khó khăn nhằm tạo điều kiện để nâng cao năng lực cạnh tranh của nông sản trong nước. Quỹ hỗ trợ phát triển nhằm khuyến khích mở rộng sản xuất xuất khẩu hàng hóa, mở rộng thị trường xuất khẩu, tăng sức cạnh tranh của hàng hóa VN trên thị trường quốc tế. Chính phủ thực hiện hỗ trợ lãi suất khi doanh nghiệp vay vốn ngân hàng để mua hàng hóa xuất khẩu. Những mặt hàng xuất khẩu bị lỗ hay cạnh tranh kém hoặc bị rủi ro thì chính phủ can thiệp bằng biện pháp thuế nhằm nâng đỡ doanh nghiệp. Ngoài ra chính phủ còn hỗ trợ tài chính để doanh nghiệp xúc tiến thương mại,

phát triển thị trường, thưởng xuất khẩu. Sự hỗ trợ cho nông sản của chúng ta tập trung vào các hình thức:

+ Hỗ trợ dạng hộp xanh lá cây. Dựa trên quy định của Hiệp định nông nghiệp của WTO chúng ta thực hiện hỗ trợ sản xuất nông nghiệp theo các nhóm:

**Thứ nhất**, dịch vụ chung, phù hợp với quy định của WTO chính phủ VN cung cấp dịch vụ và phúc lợi cho nông nghiệp dưới các hình thức: (1) Nghiên cứu khoa học: chính phủ VN cấp kinh phí cho các Viện nghiên cứu thực hiện các đề tài khoa học có liên quan đến nông nghiệp như: giống cây trồng và gia súc, kỹ thuật canh tác, nghiên cứu kinh tế vv...; (2) Đào tạo: Nhà nước cấp kinh phí cho các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, trung tâm dạy nghề để đào tạo cán bộ kỹ thuật, kinh tế, công nhân lành nghề phục vụ sản xuất nông nghiệp; (3) Công tác khuyến nông: Một hệ thống khuyến nông từ Trung ương đến làng bản được thành lập. Nhà nước cấp kinh phí để hệ thống khuyến nông hoạt động, nhiều cán bộ khuyến nông hưởng lương từ ngân sách nhà nước. Cơ sở vật chất kỹ thuật cho công tác khuyến nông được Nhà nước hỗ trợ.

**Thứ hai**, dự trữ công vì mục đích an ninh lương thực; chính phủ VN thực hiện một số chương trình dự trữ quốc gia như: lúa gạo, giống lúa, ngô, rau, thuốc bảo vệ thực vật vv...

**Thứ ba**, hỗ trợ lương thực thực phẩm trong nước; chính phủ áp dụng một số chương trình hỗ trợ cho sản xuất nông nghiệp cho các vùng khó khăn về sản xuất nông nghiệp (vùng sâu, vùng xa, vùng bị thiên tai vv...).

**Thứ tư**, hỗ trợ chuyển dịch cơ cấu; chính phủ tạo điều kiện thuận lợi cho các địa phương chuyển dịch cơ cấu kinh tế thông qua các hình thức ưu đãi thuế, đầu tư, tín dụng của chính phủ.

+ Hỗ trợ dạng hộp xanh da trời. VN áp dụng biện pháp phi thuế quan thuộc dạng này bằng các "Chương trình phát triển". Dạng hỗ trợ này của Chính phủ bao gồm: (1) Trợ cấp đầu tư của chính phủ, hiện nay trong hoạt động sản xuất nông nghiệp của VN đang có phong trào chuyển dịch mô hình sản xuất từ hộ nông nghiệp sang kinh tế trang trại. Chính phủ VN đã thực hiện trợ cấp đầu tư phát triển dưới hình thức hỗ trợ tài chính, cho vay với lãi suất ưu đãi để phát triển kinh tế trang trại. Bên cạnh đó với những khoản nợ xấu chính phủ có thể thực hiện khoan nợ hoặc xóa nợ. (2) Trợ cấp đầu vào cho người sản xuất nông nghiệp có thu nhập thấp. Chính phủ VN thành lập hệ thống ngân hàng người nghèo nhằm cung cấp vốn ưu đãi cho người nghèo để họ có khả năng phát triển sản xuất. Khi người nghèo gặp khó khăn trong việc thanh toán vốn vay thì Chính phủ có thể cấp bù chênh lệch lãi suất, khoan nợ, xóa nợ. Hiện nay người nghèo vay từ Ngân hàng phục vụ người nghèo lãi suất là 5,4%/năm cho khu vực vùng núi cao, hải đảo và 6,0%/năm cho các vùng còn lại thấp rất nhiều so với lãi suất vay vốn tại các ngân hàng thương mại. (3) Trợ cấp dành cho sản xuất nhằm khuyến khích các hộ nông dân từ bỏ cây thuốc phiện

chuyển sang sản phẩm nông nghiệp khác với các hình thức hỗ trợ giống cây trồng và gia súc.

Ngày 7.11.2006 VN chính thức là thành viên thứ 150 của đại gia đình WTO với xuất phát điểm GDP năm 2005 đạt 52,4 tỷ USD (1% GDP thế giới) và kim ngạch xuất khẩu là 32,4 tỷ USD (0,3% tổng kim ngạch xuất khẩu thế giới). Việc tham gia WTO tạo những cơ hội cho VN thâm nhập thị trường nông sản thế giới với kim ngạch 548 tỷ USD/năm. Song chúng ta cũng sẽ phải chia xẻ thị trường thị trường nội địa 82 triệu dân trong điều kiện cạnh tranh công bằng. Trong lĩnh vực nông nghiệp các cam kết của chính phủ VN khi gia nhập WTO là: Bỏ trợ cấp xuất khẩu đối với nông sản, hỗ trợ nông sản nội địa sẽ chỉ được duy trì ở mức tối đa 10% giá trị sản lượng như các nước đang phát triển khác trong WTO và mức cam kết cắt giảm bình quân đối với sản phẩm nông nghiệp là từ 25,2% xuống còn 21%. Một số sản phẩm nông nghiệp tiêu biểu được chính phủ VN cam kết cắt giảm thuế biểu hiện trong bảng sau:

| TT | Mặt hàng                | Cam kết với WTO            |                         |                          |
|----|-------------------------|----------------------------|-------------------------|--------------------------|
|    |                         | Thuế suất khi gia nhập (%) | Thuế suất cuối cùng (%) | Thời hạn thực hiện (năm) |
| 1  | Thịt bò                 | 20                         | 14                      | 5                        |
| 2  | Thịt heo                | 30                         | 15                      | -                        |
| 3  | Sữa nguyên liệu         | 20                         | 18                      | 2                        |
| 4  | Sữa thành phẩm          | 30                         | 25                      | 5                        |
| 5  | Thịt chế biến           | 40                         | 22                      | 5                        |
| 6  | Bánh kẹo (thuế suất BQ) | 34,4                       | 25,3                    | 3-5                      |
| 7  | Bia                     | 65                         | 35                      | 5                        |
| 8  | Rượu                    | 65                         | 45-50                   | 5-6                      |
| 9  | Thuốc lá điều           | 150                        | 135                     | 3                        |
| 10 | Xi gà                   | 150                        | 100                     | 5                        |
| 11 | Thức ăn gia súc         | 10                         | 7                       | 2                        |
| 12 | Bột mì                  | 20                         | 15                      | 3                        |
| 13 | Cam                     | 40                         | 20                      | 5                        |
| 14 | Chuối                   | 40                         | 25                      | 5                        |
| 15 | Đậu các loại            | 30                         | 20                      | 3                        |
| 16 | Đường tinh luyện        | 100                        | 85                      | 5                        |
| 17 | Hạt điều                | 40                         | 25                      | 5                        |
| 18 | Khoai tây               | 20                         | 10                      | 5                        |
| 19 | Thịt cừu, dê            | 10                         | 7                       | 3                        |

Nguồn: www.mof.gov.vn

Những cam kết trên đây thể hiện rõ quyết tâm hội nhập của chính phủ VN song cũng là thách thức, khó khăn rất lớn đối với sản xuất nông nghiệp trong nước - nơi là nguồn sống của trên 75% dân số và cũng là nơi tạo việc làm cho khoảng 70% lao động. Chính vì vậy chính phủ VN một mặt phải nghiêm túc thực hiện những cam kết đã ký, mặt khác phải có những chính sách, biện pháp bảo hộ hợp với thông lệ của WTO nhằm đảm bảo cho ngành sản xuất nông nghiệp của VN phát triển ổn định và vững chắc. Trên cơ sở đó tạo đà cho nông phẩm VN thâm nhập ngày càng sâu rộng và đủ mạnh để cạnh tranh trên thị trường thế giới và nội địa. Là thành viên WTO nếu VN:

Thấu hiểu sân chơi.

Am tường luật chơi.

Cơ hội sẽ nhiều hơn là đe dọa ■